



MARKET LENS

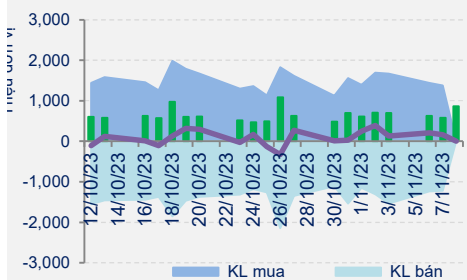
Phiên giao dịch ngày: 8/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

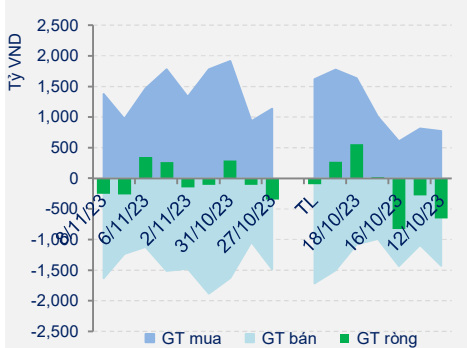
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,113.43	227.03
% Thay đổi	↑ 3.07%	↑ 4.00%
KLGD (CP)	860,658,159	125,003,716
GTGD (tỷ đồng)	18,413.23	2,288.20
Tổng cung (CP)	-	147,693,700
Tổng cầu (CP)	-	188,935,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	59,444,735	5,831,845
KL mua (CP)	58,927,836	8,189,100
GT mua (tỷ đồng)	1,378.30	160.47
GT bán (tỷ đồng)	1,631.83	104.40
GT ròng (tỷ đồng)	(253.54)	56.07

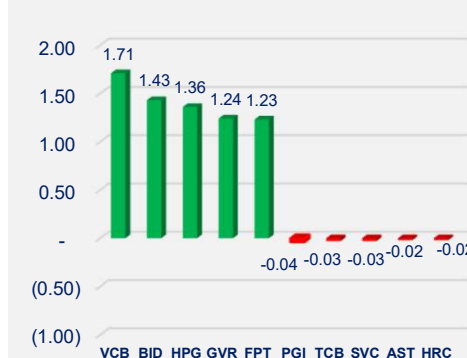
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX sau phiên điều chỉnh với thanh khoản suy giảm, tiếp tục rung lắc nhẹ kiểm tra lại vùng giá 1.075 điểm, thanh khoản tiếp tục suy giảm trong phiên sáng. Thị trường sau đó dần khởi sắc trong phiên chiều với ảnh hưởng tích cực của nhóm cổ phiếu chứng khoán, bắt động sản dưới tác động mua ròng của khối ngoại. VN-INDEX bắt đầu hồi phục mạnh với thanh khoản gia tăng tích cực, lực cầu giá lên áp đảo. Kết phiên VN-INDEX tăng mạnh 33,14 điểm (+3,07%) lên mức 1.113,43 điểm vượt lên vùng giá trước phiên giảm mạnh 26/10/2023. HNX-INDEX kết phiên cũng tăng mạnh 8,74 điểm (4,00%) lên 227,03 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiên rất tích cực với 649 mã tăng giá (71 mã tăng trần), 108 mã giảm giá (03 mã giảm sàn) và 73 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 20.701,43 tỉ đồng được giao dịch, tăng mạnh 44,44% so với phiên trước, vượt mức thanh khoản trung bình. Diễn biến thị trường khá tích cực khi giá tăng, thanh khoản tăng và giá giảm thanh khoản giảm. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, bán ròng trở lại với giá trị 253,54 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng ở nhóm cổ phiếu bán lẻ, bắt động sản vốn hóa lớn; duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 56,07 tỷ đồng.

Sáng 08/11/2023 Thủ tướng Chính phủ đã báo cáo Quốc hội về đánh giá tình hình kết quả phát triển kinh tế xã hội 9 tháng và dự báo cả năm 2023. Chính phủ nỗ lực phấn đấu đạt tăng trưởng GDP trên 5%, ban hành quy chuẩn đường cao tốc trong quý I/2024; mở rộng 5 tuyến cao tốc phân kỳ đầu tư 2 làn xe và 7 tuyến chưa có làn dừng khẩn cấp. Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ hoàn thành mục tiêu ít nhất có 3.000 km đường bộ cao tốc theo Nghị quyết Đại hội lần thứ 13 của Đảng.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán sau áp lực điều chỉnh phiên trước đã tăng giá mạnh trở lại, vượt vùng giá phiên trước với thanh khoản gia tăng mạnh, đa số tăng giá hết biên độ, nổi bật như MBS (+9,63%), SHS (+9,43%), BSI (+6,99%), FTS (+6,97%), VIX (+6,96%)...

Các cổ phiếu bắt động sản cũng có diễn biến rất tích cực là động lực dẫn dắt thị trường phục hồi, nhiều mã tăng giá hết biên độ, thu hút lực cầu với thanh khoản đột biến như CEO (+9,63%), HDC (+6,97%), PDR (+6,97%), DIG (+6,94%), NVL (+6,90%), IJC (+6,77%)... Các cổ phiếu bắt động sản khu công nghiệp, cao su cũng tăng giá tích cực, thanh khoản gia tăng vượt mức trung bình với DTD (+9,18%), IDC (+7,11%), SZC (+6,88%), KBC (+6,84%), GVR (+6,78%)...

Nhóm cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng, thép sau những phiên có diễn biến tích cực hơn so với thị trường chung, tiếp tục tăng giá tích cực, nhiều mã tăng giá hết biên độ, thanh khoản vượt mức trung bình như C4G (+8,33%), HHV (+6,97%), VCG (+6,78%).. BCC (+7,78%), KSB (+6,85%), HT1 (+6,09%)... VGS (+9,63%), NKG (+6,99%), HSG (+6,84%), HPG (+4,46%)...

Các cổ phiếu ngân hàng cũng có diễn biến nổi bật khi chỉ số VN-INDEX vượt vùng kháng cự mạnh với SHB (+4,61%), HDB (+4,44%), TPB (+4,23%), TCB (+3,92%), VIB (+3,74%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 tăng mạnh 38,6 điểm (+3,52%), chênh lệch dương 4,05 điểm so với VN30, khối lượng tăng mạnh 50,45% so với phiên trước, vượt mức trung bình, khối lượng mở OI tăng, cho thấy các vị thế mua tăng mạnh đột biến. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 2,95 điểm đến -4,65 điểm, thể hiện các trader khá lạc quan với xu hướng tăng ngắn hạn của VN30, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường có phiên tăng rất mạnh qua đó tiếp tục duy trì đà phục hồi mạnh đồng thời vượt vùng kháng cự quanh 1.100 điểm. Với trạng thái tích cực hiện tại chúng tôi cho rằng khu vực cân bằng mới để tích lũy lại có khả năng trong vùng điểm số 1.100 điểm - 1.150 điểm. Chốt phiên giao dịch Vn-Index tăng 33,14 điểm (+3,07%) và đóng cửa ở 1.113,43 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, thị trường vẫn đang vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại và quá trình này dự báo sẽ cần nhiều thời gian. Điểm số VnIndex đang trở lại khu vực tích lũy trung hạn trước đây nhưng với đà hồi phục hiện tại có thể vùng điểm số tích lũy mới sẽ cao hơn 1.100 điểm.

Thị trường vẫn đang có xu hướng hồi phục sau nhịp giảm mạnh, trong ngắn hạn mặc dù VnIndex vẫn có thể tiếp diễn xu hướng tăng điểm nhưng mọi nỗ lực phục hồi ngắn hạn đều mang tính kỹ thuật hàm chứa rủi ro. Với tầm nhìn trung hạn thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, hoàn toàn có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

8/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PHR	46.40	43-45	52-53	43	7.1	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	20.50	15-16	24-25	17.5	18.5	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	30.45	25-26.5	31-32	24	16.1	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	31.40	25-27	32-33	22	10.3	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	37.20	30-32	38.5-40	29	20.2	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	33.75	26-28	34.5-35.5	24	7.2	-34.2%	-59.4%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	26.95	22-23.5	27-28	20	83.7	-16.5%	213.0%	Theo dõi chờ giải ngân
PVT	25.60	23-24.5	30-31	20	8.7	9.5%	-8.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	31.5	25.9	35-37	30	21.6%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	30.5	25.8	31-32	29	18.0%	Nắm giữ
1/11/2023	BVS	25.1	22.3	26-27	24	12.6%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	22.6	18.6	26-27	20	21.5%	Nắm giữ
2/11/2023	CTD	63.0	52	65-67	58	21.2%	Nắm giữ
2/11/2023	PLC	30.7	26.8	30-31	28.5	14.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	25.6	24.45	30-31	23	4.7%	Giải ngân giá 24.45
8/11/2023	PHR	46.4	45.1	52-53	43	2.9%	Giải ngân giá 45.1



TIN VĨ MÔ

Hoa Kỳ tiếp tục xác định Việt Nam không thao túng tiền tệ

Báo cáo tiền tệ bán niên của Bộ Tài chính Mỹ cho giai đoạn 4 quý kết thúc vào tháng 6/2023 cho thấy Việt Nam, Trung Quốc, Đức, Malaysia, Singapore, và Đài Loan nằm trong danh sách giám sát tiền tệ của Mỹ. Cụ thể, các quốc gia này đã vượt 2 trong 3 tiêu chí: Thặng dư thương mại với Mỹ trên 15 tỷ USD, thặng dư tài khoản vãng lai toàn cầu vượt 3% GDP và mua ròng ngoại hối kéo dài và vượt 2% GDP trong giai đoạn 1 năm. Việt Nam trở lại danh sách trên vì thặng dư tài khoản vãng lai toàn cầu tăng lên 4.7% GDP trong giai đoạn giám sát. Nguyên nhân một phần do kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng mạnh trong vài năm gần đây khi các công ty chuyển một phần sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. Tuy nhiên, Bộ Tài chính Mỹ cho biết xác định Việt Nam không thao túng tiền tệ, đồng thời đưa ra nhận xét tích cực đối với kết quả điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá của Việt Nam.

Thủ tướng: “Kiên quyết cắt giảm thủ tục hành chính và quy định kinh doanh”

Trong chương trình kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, sáng 8/11, Thủ tướng Phạm Minh Chính khẳng định Chính phủ tiếp tục ưu tiên thúc đẩy các động lực tăng trưởng; đẩy mạnh hơn nữa giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Về các dự án hạ tầng quan trọng ngành giao thông, Thủ tướng cho biết Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo triển khai các dự án giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, gồm 36 dự án với 83 dự án thành phần. Đồng thời nhấn mạnh, quyết tâm phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ hoàn thành mục tiêu ít nhất có 3.000 km đường bộ cao tốc theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Tôm Việt Nam nguy cơ bị Mỹ điều tra chống trợ cấp

Sau khi bị áp thuế chống bán phá giá, tôm - thủy sản chủ lực xuất khẩu vào Mỹ của Việt Nam - lại thêm nguy cơ bị điều tra chống trợ cấp. Về phạm vi trợ cấp bị cáo buộc, nguyên đơn đề nghị Bộ Thương mại Mỹ (DOC) khởi xướng điều tra chống trợ cấp với cả tôm đông lạnh và tôm tươi Việt Nam. Nguyên đơn cho rằng sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh và tôm tươi nhập khẩu từ Việt Nam đang nhận 40 chương trình trợ cấp, gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất tôm nội địa Mỹ. Thời kỳ điều tra trợ cấp được đề nghị là năm 2022 và giai đoạn điều tra thiệt hại từ năm 2020 đến nửa đầu năm 2023.



TIN DOANH NGHIỆP

Novaland cùng một công ty có liên quan mua lại hơn 1.500 tỷ đồng trái phiếu

Theo thông tin từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), từ ngày 24/10 đến 30/10, công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Nice Star vừa mua lại trước hạn 310 tỷ đồng cuối cùng còn lại của lô trái phiếu NCLCH2226001. Qua đó đã tất toán toàn bộ lô trái phiếu trị giá 1.500 tỷ đồng phát hành mới phát hành đầu năm 2022. Hiện, Nice Star đang góp vốn hợp tác với Công ty TNHH Delta – Valley Bình Thuận - công ty con Novaland để thực hiện dự án Hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng Dự án Tổ hợp Khu du lịch Thung Lũng Đại Dương (Novaworld Phan Thiết).

Bên cạnh Nice Star, Novaland cũng vừa công bố việc thanh toán thêm 11,5 tỷ đồng trên tổng số 255 tỷ đồng dư nợ còn lại của lô trái phiếu NVLH2123013. Lô trái phiếu NVLH2123013 được phát hành ngày 28/9/2021, kỳ hạn 18 tháng, đáo hạn vào ngày 28/3/2023 với mức lãi suất cố định 10,5%/năm. Tổng giá trị của lô trái phiếu trên là 430 tỷ đồng.

SZL sắp tăng vốn lên gấp 1.5 lần

Chỉ không lâu sau khi chốt ngày trả cổ tức bằng tiền mặt, SZL tiếp tục chốt ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 2:1, ngày đăng ký cuối cùng là 17/11/2023. Nguồn thực hiện từ quỹ đầu tư phát triển với giá trị được xác định tại ngày 31/12/2022 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.

Với hơn 18.2 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính SZL sẽ phát hành hơn 9.1 triệu cổ phiếu. Nếu đợt phát hành diễn ra thành công, vốn điều lệ của SZL sẽ tăng lên 273.4 tỷ đồng.

Kinh doanh mũ cao su kém khả quan, lãi ròng quý 3 của GVR giảm sâu

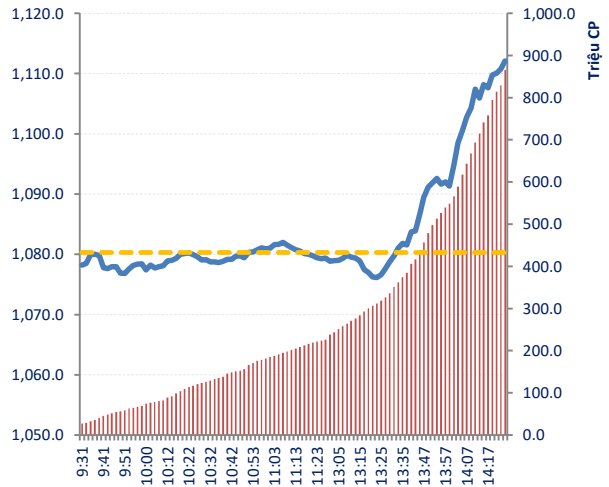
Theo BCTC quý 3/2023, doanh thu thuần GVR trong kỳ đạt hơn 6,195 tỷ đồng, (+6% YoY). Mặc dù tăng trưởng về doanh thu nhưng giá bán các loại mũ cao su đã giảm so với cùng kỳ, trong khi đó giá cả nhiều mặt hàng đầu vào tăng mạnh dẫn đến biên gộp của GVR giảm 7.1 điểm phần trăm về 19.9% Trong kỳ, GVR lỗ gần 270 tỷ đồng từ công ty liên doanh, liên kết, chủ yếu do khoản lỗ 276 tỷ đồng từ CTCP Gỗ MDF VRG – Dongwha và CTCP Thống nhất. Sau cùng, lãi ròng GVR đạt 312.8 tỷ đồng (-63% YoY).

Lũy kế 9 tháng đầu năm, GVR ghi nhận doanh thu thuần gần 14,489 tỷ đồng (-11%YoY; lãi ròng 1,421 tỷ đồng (-51%YoY). Qua đó, sau 9 tháng, GVR đã thực hiện lần lượt 56% kế hoạch doanh thu và 46% kế hoạch lợi nhuận.

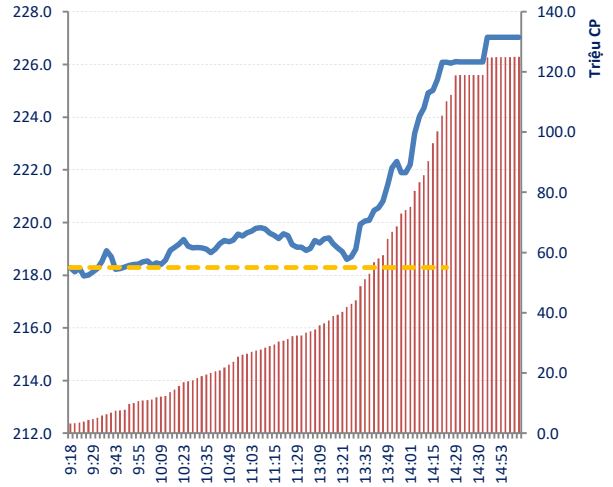


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

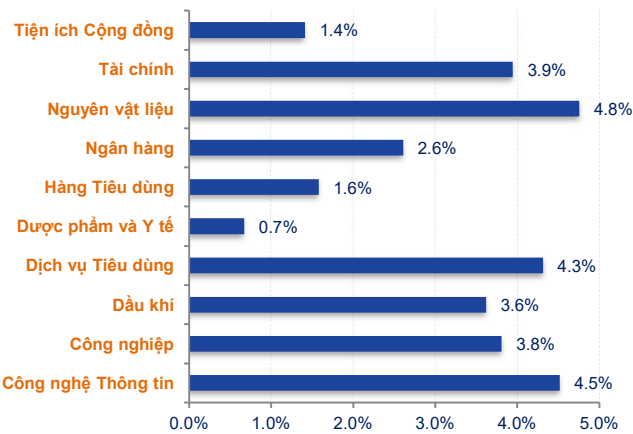
KLGD và VN-Index trong phiên



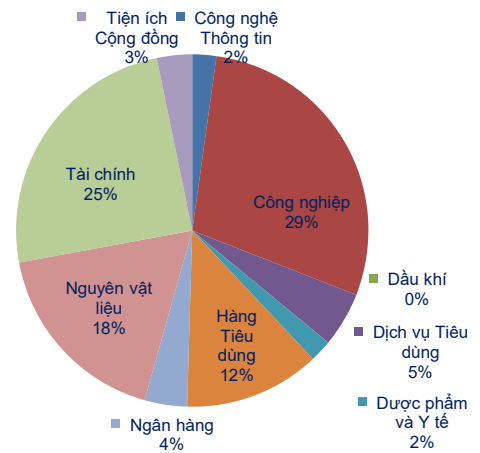
KLGD và HNX-Index trong phiên



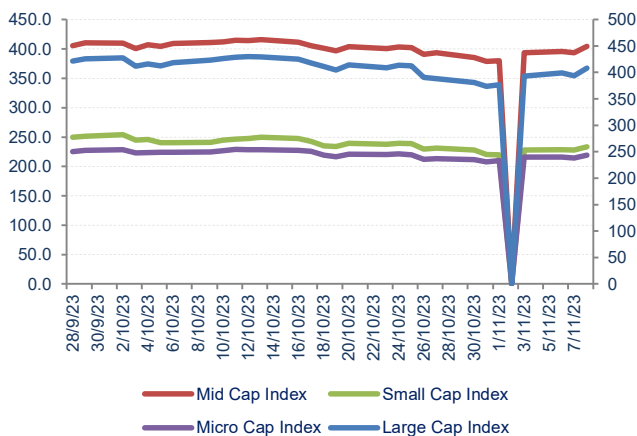
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



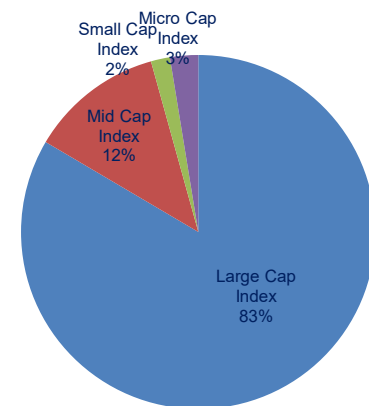
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HDB	2,031,440	MWG	6,189,232	1	SHS	2,889,800	MBS	49,170
2	VIX	1,576,400	VHM	3,187,330	2	IDC	138,200	BVS	32,300
3	HPG	1,348,325	VRE	2,436,800	3	CEO	107,100	TIG	28,100
4	NVL	1,221,800	VND	1,753,140	4	PVS	47,300	NVB	15,200
5	HSG	1,208,700	HCM	1,143,700	5	PLC	28,400	VCS	11,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	13.85	13.65	↓ -1.44%	30,597,900	SHS	16.00	15.90	↓ -0.62%	40,579,567
VND	18.70	18.30	↓ -2.14%	22,330,900	CEO	22.20	21.80	↓ -1.80%	11,215,293
HDB	18.25	18.00	↓ -1.37%	20,906,800	HUT	18.90	18.20	↓ -3.70%	7,052,649
HPG	25.75	25.80	↑ 0.19%	19,881,700	PVS	35.00	35.60	↑ 1.71%	5,472,335
SSI	29.00	28.35	↓ -2.24%	19,074,801	MBS	18.70	18.70	→ 0.00%	4,015,935

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	27.10	28.95	1.85	↑ 6.83%	TTH	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
SCD	15.20	16.20	1.00	↑ 6.58%	SDG	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
SFC	18.50	19.70	1.20	↑ 6.49%	PVB	19.10	21.00	1.90	↑ 9.95%
MDG	13.90	14.80	0.90	↑ 6.47%	VTC	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%
FDC	10.95	11.65	0.70	↑ 6.39%	HCT	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SRC	29.40	27.35	-2.05	↓ -6.97%	VLA	25.10	22.60	-2.50	↓ -9.96%
PDN	113.70	105.80	-7.90	↓ -6.95%	TJC	17.10	15.40	-1.70	↓ -9.94%
ABR	17.40	16.20	-1.20	↓ -6.90%	DAE	17.20	15.50	-1.70	↓ -9.88%
DTA	6.30	5.87	-0.43	↓ -6.83%	PGT	3.20	2.90	-0.30	↓ -9.38%
SJF	2.08	1.94	-0.14	↓ -6.73%	VCM	18.40	16.70	-1.70	↓ -9.24%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	30,597,900	8.2%	1,005	13.6	1.1
VND	22,330,900	7.8%	957	19.1	1.4
HDB	20,906,800	20.7%	2,926	6.2	1.2
HPG	19,881,700	1.9%	322	80.2	1.5
SSI	19,074,801	8.9%	1,346	21.1	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	40,579,567	5.4%	643	24.7	1.3
CEO	11,215,293	6.7%	955	22.8	1.8
HUT	7,052,649	0.8%	122	149.5	1.4
PVS	5,472,335	6.7%	1,846	19.3	1.3
MBS	4,015,935	10.4%	1,104	16.9	1.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLW	↑ 6.8%	22.0%	4,328	6.7	1.4
SCD	↑ 6.6%	-109.7%	(10,203)	-	4.0
SFC	↑ 6.5%	17.2%	2,712	7.3	1.2
MDG	↑ 6.5%	8.2%	1,338	11.1	0.9
FDC	↑ 6.4%	-44.5%	(5,135)	-	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTH	↑ 10.0%	1.1%	122	36.0	0.4
SDG	↑ 10.0%	1.3%	593	46.4	0.7
PVB	↑ 9.9%	-5.6%	(930)	-	1.3
VTC	↑ 9.9%	-13.5%	(2,268)	-	0.8
HCT	↑ 9.9%	-0.5%	(101)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	2,031,440	20.7%	2,926	6.2	1.2
VIX	1,576,400	8.2%	1,005	13.6	1.1
HPG	1,348,325	1.9%	322	80.2	1.5
NVL	1,221,800	-1.4%	(309)	-	0.6
HSG	1,208,700	0.2%	37	532.1	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,889,800	5.4%	643	24.7	1.3
IDC	138,200	17.0%	3,177	14.2	2.6
CEO	107,100	6.7%	955	22.8	1.8
PVS	47,300	6.7%	1,846	19.3	1.3
PLC	28,400	8.2%	1,287	22.4	1.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	493,517	22.6%	6,013	14.7	3.1
BID	211,446	17.6%	3,887	10.8	1.8
GAS	180,983	19.0%	5,283	14.9	2.9
VHM	174,175	25.0%	9,468	4.2	1.0
VPB	164,232	9.7%	1,518	13.6	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,016	6.7%	1,846	19.3	1.3
HUT	16,244	0.8%	122	149.5	1.4
IDC	14,850	17.0%	3,177	14.2	2.6
THD	13,898	2.9%	460	78.5	2.3
SHS	12,929	5.4%	643	24.7	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.31	-0.2%	(32)	-	0.7
GEX	2.67	2.0%	511	38.3	0.8
VIX	2.59	8.2%	1,005	13.6	1.1
CTS	2.56	7.9%	1,020	22.8	1.7
VPH	2.49	-2.0%	(218)	-	0.7

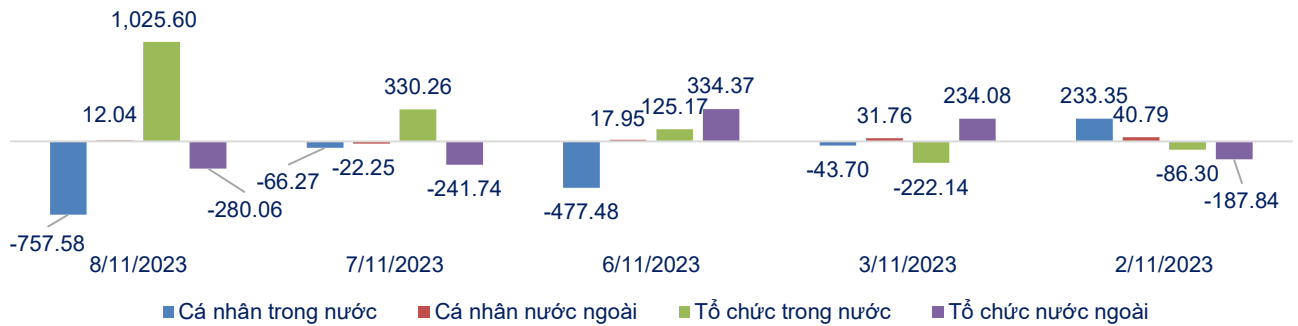
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.16	6.2%	681	21.3	1.4
SHS	2.42	5.4%	643	24.7	1.3
IVS	2.41	3.4%	362	24.6	0.8
VIG	2.30	6.8%	501	13.6	0.9
EVS	2.19	5.9%	688	11.3	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	190.95	3.0%	476	80.3	2.4
VHM	87.32	25.0%	9,468	4.2	1.0
VRE	40.89	11.8%	1,818	12.7	1.4
VCI	38.32	5.7%	911	41.8	2.3
HCM	33.44	7.8%	1,356	19.9	1.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-390.92	9.7%	1,518	13.6	1.1
HPG	-97.76	1.9%	322	80.2	1.5
VIC	-72.94	2.7%	977	43.0	1.1
STB	-69.21	17.5%	3,825	7.6	1.3
HDB	-69.13	20.7%	2,926	6.2	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	4.01	25.0%	9,468	4.2	1.0
VIX	3.38	8.2%	1,005	13.6	1.1
VCG	2.74	2.8%	516	41.4	1.1
CNG	2.58	18.1%	2,909	9.7	1.8
DXG	2.34	-2.0%	(456)	-	0.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-2.14	29.7%	9,010	9.8	2.7
VND	-1.87	7.8%	957	19.1	1.4
SHB	-1.18	15.9%	2,036	5.3	0.8
VJC	-0.86	-14.0%	(3,851)	-	3.8
EVG	-0.76	1.3%	155	30.6	0.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	374.26	9.7%	1,518	13.6	1.1
HPG	62.21	1.9%	322	80.2	1.5
FPT	58.48	22.3%	4,815	18.3	3.9
ACB	50.56	23.8%	3,839	5.8	1.3
VIC	48.03	2.7%	977	43.0	1.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PDR	-16.05	1.6%	200	111.1	1.7
DGC	-15.98	29.7%	9,010	9.8	2.7
VCB	-13.85	22.6%	6,013	14.7	3.1
DHA	-12.93	21.4%	6,096	7.3	1.6
MBB	-8.35	22.4%	4,290	4.1	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	37.53	20.7%	2,926	6.2	1.2
HPG	35.66	1.9%	322	80.2	1.5
VIC	25.14	2.7%	977	43.0	1.1
HSG	24.85	0.2%	37	532.1	1.1
STB	23.49	17.5%	3,825	7.6	1.3

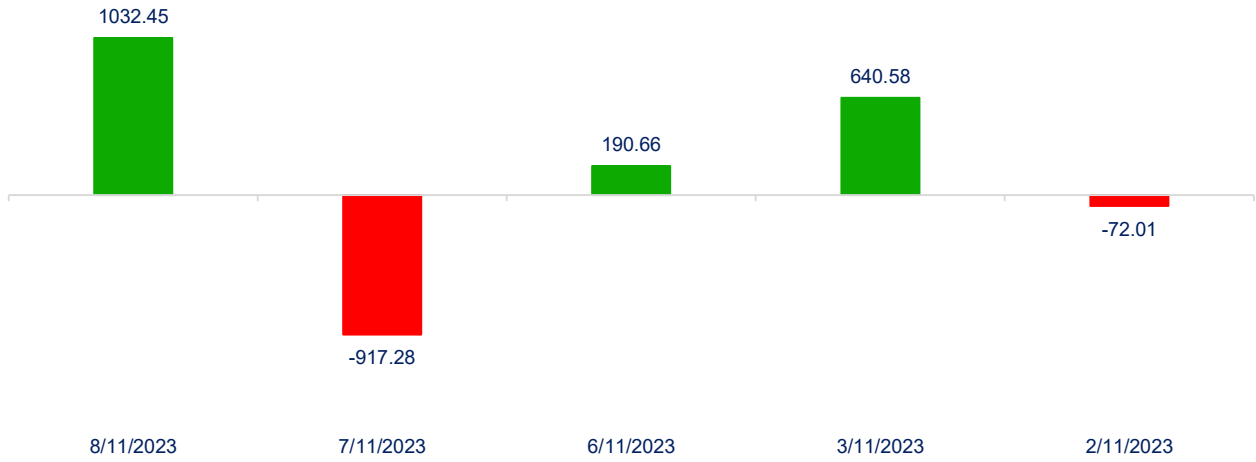
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-236.19	3.0%	476	80.3	2.4
VHM	-132.29	25.0%	9,468	4.2	1.0
VRE	-58.10	11.8%	1,818	12.7	1.4
MSN	-40.53	2.2%	572	108.3	2.3
VNM	-36.52	24.4%	4,029	17.6	4.4

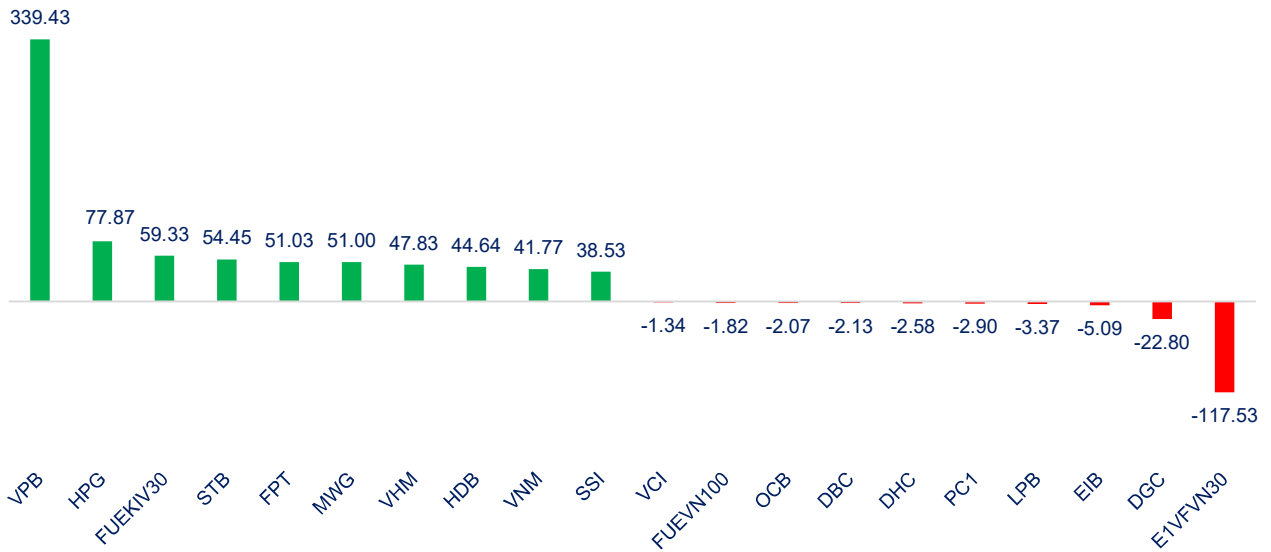


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
